

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

MÃ SỐ: 9310102.01

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2910/QĐ-ĐHKT, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế - ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - +Tên tiếng Việt: Kinh tế chính trị
 - +Tên tiếng Anh: Political Economy
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9310102.01
- Tên ngành đào tạo:
 - +Tên tiếng Việt: Kinh tế chính trị
 - +Tên tiếng Anh: Political Economy
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - +Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị
 - +Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Political Economy
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo tiến sĩ kinh tế chính trị nắm vững các vấn đề nền tảng về Lịch sử các học thuyết kinh tế và lịch sử kinh tế các nước, có kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị học hiện đại, các cách tiếp cận mới đối với các vấn đề kinh tế chính trị hiện thực; có phương pháp tư duy sáng tạo, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

- Người hoàn thành chương trình có thể làm công tác giảng dạy, nghiên cứu kinh tế chính trị ở các trường Đại học, các Viện nghiên cứu kinh tế và làm việc ở cơ quan hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách và quản lí nhà nước về kinh tế, các cơ quan tư vấn, tổ chức quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo tiến sĩ kinh tế chính trị có kiến thức chuyên sâu, có khả năng nghiên cứu độc lập; Sau khi hoàn thành khóa học, tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị có phương pháp tư duy sáng tạo, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá sự tương tác giữa các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế chính trị, đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới; có khả năng viết và thuyết trình một cách khoa học, chuyên nghiệp các nghiên cứu.

- Tiến sĩ Kinh tế chính trị có khả năng vận dụng những tri thức và phương pháp nghiên cứu của ngành để tham gia giải quyết những vấn đề kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1.1. *Đối tượng từ thạc sĩ*: xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN

3.1.2. *Đối tượng từ cử nhân*: kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn

- Môn thi Cơ bản: Triết học Mác – Lê Nin

- Môn thi Cơ sở: Lịch sử các học thuyết kinh tế

- Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kinh tế chính trị từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành Kinh tế chính trị.

3.2.2. Điều kiện về công trình khoa học

- Trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu của 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học.

3.2.3. Điều kiện về thâm niên công tác

- Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế chính trị cần có ít nhất 02 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi).

3.3. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh;

b. Bằng tốt nghiệp đại học các ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c. Chứng chỉ ngoại ngữ theo Bảng tham chiếu dưới đây do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45-93
2	IELTS	5-6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction

3.4 Danh mục các chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần

3.4.1. Văn bằng cử nhân

Ngành phù hợp: Không có

3.4.2. Văn bằng thạc sĩ

Ngành/Chuyên ngành phù hợp: Không có

Ngành/Chuyên ngành gần:

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1.	8310101	Kinh tế học	
2.	8310104	Kinh tế đầu tư	
3.	8310105	Kinh tế phát triển	
4.	8310106	Kinh tế quốc tế	
5.	8310107	Thống kê kinh tế	
6.	8310108	Toán kinh tế	

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
7.	8340410	Quản lý kinh tế	
8.	8310201	Chính trị học	
9.	8380107	Luật kinh tế	
10.	8340201	Tài chính - Ngân hàng	
11.	8340204	Bảo hiểm	
12.	8340301	Kế toán	
13.	8340121	Kinh doanh thương mại	
14.	8340402	Chính sách công	
15.	8340403	Quản lý công	
16.	8340401	Khoa học quản lý	
17.	8340101	Quản trị kinh doanh	
18.	8340404	Quản trị nhân lực	
19.	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	
20.	8340406	Quản trị văn phòng	
21.	8340412	Quản lý khoa học và công nghệ	
22.	Chuyên ngành thí điểm	Chính sách công và Phát triển	
23.	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị các tổ chức tài chính	
24.	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 5 - 7 NCS/ năm

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Kinh tế chính trị.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực Kinh tế chính trị, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành Kinh tế chính trị hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

- Kết quả luận án có giá trị đối với lĩnh vực Kinh tế chính trị, về lí thuyết khoa học cũng như thực tiễn, tạo dựng các giá trị bền vững thông qua hoạt động của người học. Thể hiện qua việc phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn, đã công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.

2. Yêu cầu về kiến thức chuyên môn

2.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN (đối với NCS từ cử nhân)

- Nghiên cứu sinh có kiến thức chung về thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin.

2.2 Kiến thức nhóm chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức thuộc nhóm chuyên ngành kinh tế vào việc nghiên cứu, tiếp cận thực tiễn và các học phần chuyên ngành thông qua các học phần như Lý thuyết kinh tế học vi mô, Lý thuyết kinh tế học vĩ mô, Chính trị và phát triển hay Môi trường và phát triển...

2.3 Kiến thức chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

- Hiểu và áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị hiện đại, nắm bắt được các kỹ năng, phương pháp phân tích, các cách tiếp cận cốt lõi của khoa học kinh tế chính trị để lập luận, phân tích đánh giá, vận dụng vào thực tiễn công việc thông qua các học phần như Kinh tế chính trị của sự phát triển, Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế, Môi trường và phát triển, Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước đang phát triển, Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức, Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người, Khu vực kinh tế công và các vấn đề về kinh tế chính trị ở Việt Nam...

2.4 Kiến thức trong các học phần và chuyên đề tiến sĩ:

- Dựa trên các kiến thức nền tảng đã tích lũy được, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục tích lũy kiến thức và vận dụng các kiến thức chuyên sâu, các lý thuyết mới về kinh tế chính trị, các cách tiếp cận đa chiều về các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại như kinh tế chính trị học hành vi, phân tích kinh tế đối với các thể chế chính trị, chính trị và các tổ chức, kinh tế chính trị học phát triển, các mô hình ra quyết định của chính phủ, các vấn đề về kinh tế chính trị Việt Nam vào giải quyết các vấn đề của luận án và các lĩnh vực thuộc ngành đào tạo.

3. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu cụ thể; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá, dự báo, phân biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ chuyên sâu về kinh tế chính trị; đặc biệt, người học có thể tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới, tương quan mới, cách phân tích lý giải, giải quyết mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

- Hiểu và áp dụng thành thạo kỹ năng tư duy hệ thống, phương pháp liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế chính trị hiện đại;

- Có kỹ năng độc lập nghiên cứu, biết tìm ra cách thức mới, biết vận dụng các kiến thức để nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội.

4.2. Kỹ năng hỗ trợ

- Vận dụng thành thạo kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.

- Có kỹ năng viết và thuyết trình, giảng giải các nghiên cứu kinh tế một cách chuyên nghiệp.

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh để nghiên cứu tài liệu, học tập, nghiên cứu và trao đổi với chuyên gia quốc tế.

- Biết phác thảo mô hình phân tích, phân tích định lượng dựa trên các phần mềm thống kê như SPSS, Eviews hoặc STATA...

5. Yêu cầu về phẩm chất

5.1 Trách nhiệm công dân

- Trung thành với Tổ quốc, tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần trách nhiệm, kỉ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo. Trong hoạt động nghiên cứu khoa học phải chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp; bảo vệ bí mật quốc gia; vì lợi ích của đất nước.

5.2 Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Đam mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường kinh tế chính trị thường xuyên biến đổi.

- Có tác phong là việc chuyên nghiệp, trung thực trong nghiên cứu, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc dựa trên các phân tích khoa học; ý thức rõ về trách nhiệm xã hội trong các hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học của bản thân.

- Có ý thức trách nhiệm trong việc đề xuất các giải pháp khoa học mới để xử lý các tình huống và vấn đề kinh tế xã hội phát sinh.

6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Chuyên gia hoạch định, phân tích, tư vấn chính sách: Tiến sĩ Kinh tế chính trị có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc hoạch định, phân tích, đánh giá, phản biện và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến chính sách công; thương mại, đầu tư, tài chính, chính trị quốc tế... tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế như WB, ADB, ILO...

Nhóm 2: Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế có trình độ cao: Tiến sĩ Kinh tế chính trị có khả năng tự nghiên cứu, có đủ năng lực chuyên môn để tham gia giảng dạy trong lĩnh vực ở các bậc học tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; phân tích và hoạch định chính sách công ở cấp chuyên gia tư vấn nhà nước/quốc tế.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- NCS sau khi tốt nghiệp tiến sĩ KTCT có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu để trở thành các chuyên gia phân tích, chuyên gia tư vấn cao cấp tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế như WB, ADB, ILO...; các nhà lãnh đạo kinh tế, các giảng viên cao cấp về kinh tế chính trị.

8. Các chương trình, tài liệu của các cơ sở đào tạo tiến sĩ có uy tín của quốc tế tham khảo

- **Chương trình Tiến sĩ Kinh tế Chính trị và Chính phủ của trường Đại học Harvard:** <https://www.hks.harvard.edu/educational-programs/doctoral-programs/phd-political-economy-government>.

- **Chương trình Tiến sĩ Kinh tế chính trị của trường Đại học Princeton:** <https://www.princeton.edu/~pegrad/>.

- **Các học phần của chương trình của trường Đại học Stanford trong Website:** <http://www.gsb.stanford.edu/research/courses/phdpolecon.html>.

<https://www.gsb.stanford.edu/programs/phd/fields/political-economics>

Xếp hạng trường Đại học Stanford thứ 3 trên bảng xếp hạng thế giới do tổ chức TIMES Higher Education xếp hạng (cập nhật ngày 19.4.2018 tại Website: <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/stanford-university->)

Chương trình này của trường Đại học Stanford được thiết kế theo 3 hướng nghiên cứu bao gồm: hướng nghiên cứu về Kinh tế chính trị hiện đại; Kinh tế chính trị của xã hội, không gian và môi trường, Kinh tế học thể chế. Nghiên cứu sinh được lựa chọn 1 trong 3 hướng nghiên cứu đó và học các học phần trong chương trình theo quy định.

Trường Đại học Kinh tế lựa chọn các học phần trong 2 hướng nghiên cứu là Kinh tế chính trị và Kinh tế học thể chế của Đại học Stanford để xây dựng chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị của Trường, do đây là 2 hướng nghiên cứu gần nhất với hướng nghiên cứu và mục tiêu đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị của nhà trường.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Người học phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **141 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: **51 tín chỉ**

+ *Khối kiến thức chung: 4 tín chỉ*

+ *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 47 tín chỉ*

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: **20 tín chỉ**

+ Các học phần NCS: **12 tín chỉ**

Bắt buộc: *6 tín chỉ*

Tự chọn: *6 tín chỉ*

+ Chuyên đề NCS: **6 tín chỉ**

+ Tiểu luận tổng quan: **2 tín chỉ**

- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*)

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **70 tín chỉ**

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **99 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: **9 tín chỉ**

+ *Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ*

+ *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 3 tín chỉ*

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: **20 tín chỉ**

+ Các học phần NCS: **12 tín chỉ**

Bắt buộc: *6 tín chỉ*

Tự chọn: *6 tín chỉ*

+ Chuyên đề NCS: **6 tín chỉ**

+ Tiểu luận tổng quan: **2 tín chỉ**

- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **70 tín chỉ**

1.3. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **90 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: **20 tín chỉ**

+ Các học phần NCS: **12 tín chỉ**

Bắt buộc: *6 tín chỉ*

Tự chọn: *6 tín chỉ*

+ Chuyên đề NCS: **6 tín chỉ**

+ Tiểu luận tổng quan: **2 tín chỉ**

- Phần 2: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)

- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)

- Phần 4: Luận án tiến sĩ: **70 tín chỉ**

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47				
II.1	Các học phần bắt buộc		21				
2.	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10	0	
3.	INE 6005	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
4.	INE 6003	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
5.	PEC 6004	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao <i>Intermediate History of Economic Doctrines</i>	3	30	15	0	
6.	PEC 6007	Kinh tế chính trị Việt Nam <i>Political Economy of Vietnam</i>	3	30	15	0	
7.	PEC 6006	Kinh tế chính trị của sự phát triển <i>Political Economy of Development</i>	3	30	15	0	
8.	PEC 6038	Lịch sử kinh tế Việt Nam <i>Vietnamese Economic History</i>	3	30	15	0	
9.	PEC 6108	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế <i>Globalisation and International Political Economy</i>	3	30	15	0	
II.2	Các học phần tự chọn		26/ 67				
10.	PEC 6005	Kinh tế chính trị Mác-xít <i>Marxist Political Economy</i>		30	15	0	
11.	PEC 6119	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	3	30	15	0	
12.	PEC 6001	Chính trị và phát triển <i>Politics & Development</i>	2	20	10	0	
13.	INE 6040	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	20	10	0	

STT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14.	PEC 6103	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển <i>Industrialisation in Developing Countries</i>	3	30	15	0	
15.	PEC 6110	Nông nghiệp trong phát triển kinh tế <i>Agriculture in Economic Development</i>	3	30	15	0	
16.	PEC 6011	Tăng trưởng, phát triển và sự chuyển đổi kinh tế <i>Growth, Development & Economic Transformation</i>	2	20	10	0	
17.	PEC 6013	Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức <i>Political economy of knowledge economy</i>	2	20	10	0	
18.	PEC 6114	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người <i>Economic Growth and Human Development</i>	3	30	15	0	
19.	PEC 6024	Toàn cầu hóa và chính sách công <i>Globalisation and Public Policy</i>	2	20	10	0	
20.	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>States, Markets and International Governance</i>	3	30	15	0	
21.	PEC 6126	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn <i>Social Policy: Issues and Options</i>	3	30	15	0	
22.	PEC 6128	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động <i>Labour Market Policy Issues</i>	3	30	15	0	
23.	PEC 6123	Quản lý khoa học công nghệ <i>Science and Technology Management</i>	3	30	15	0	
24.	PEC 6017	Quản lý công và Lãnh đạo <i>Public Management and Leadership</i>	3	35	10	0	
25.	PEC 6039	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao <i>Advanced Socio-Economic Policy Analysis</i>	3	30	15	0	
26.	INE 6006	Thương mại quốc tế <i>International trade</i>	3	30	15	0	
27.	INE 6007	Tài chính tiền tệ quốc tế	3	30	15	0	

STT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>International Finance Monetary</i>					
28.	PEC 6044	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Management Tools</i>	3	30	15	0	
29.	PEC 6048	Quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường <i>Ownership relations in Market Economy</i>	3	30	15	0	
30.	PEC 6045	Phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường <i>Income distribution in Market Economy</i>	3	30	15	0	
31.	PEC 6046	Kinh tế chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế <i>Political economy of international economic integration</i>	3	30	15	0	
32.	BSA 6015	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế <i>Business Ethics and Corporate Culture in International Integration</i>	3	30	15	0	
33.	INE 6032	Hệ thống thông tin quản lý (MIS) <i>Management information system</i>	3	30	15	0	
PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần			12				
I.1 Bắt buộc			6				
34.	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methods</i>	2	20	10	0	
35.	PEC 8001	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị <i>Economic Analysis of Political Institutions</i>	2	20	10	0	
36.	PEC 8002	Kinh tế chính trị hiện đại <i>Modern Political Economy</i>	2	20	10	0	
I.2 Tự chọn			6/9				
37.	PEC 8011	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	3	30	15	0	
38.	INE 8014	Kinh tế thế giới hiện đại <i>Modern world Economy</i>	3	30	15	0	
39.	PEC 8012	Hoạch định phát triển <i>Development planning</i>	3	30	15	0	
II. Chuyên đề NCS			6				
40.	PEC 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	

STT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Optional topic 1</i>					
41.	PEC 8004	Chuyên đề tự chọn 2 <i>Optional topic 2</i>	2	0	0	30	
42.	PEC 8005	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional topic 3</i>	2	0	0	30	
III. Tiểu luận tổng quan			2				
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Khoa; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. 							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. 							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
43.	PEC 9001	Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			141				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I.1	Bắt buộc		6				
1.	PEC 6004	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao <i>Intermediate History of Economic Doctrines</i>	3	30	15	0	
2.	PEC 6006	Kinh tế chính trị của sự phát triển <i>Political Economy of Development</i>	3	30	15	0	
I.2	Tự chọn		3/9				
3.	PEC 6119	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	3	30	15	0	
4.	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>States, Markets and International Governnance</i>	3	30	15	0	
5.	PEC 6039	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao <i>Advanced Socio-Economic Policy Analysis</i>	3	30	15	0	
PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I.	Các học phần NCS		12				
I.1	Bắt buộc		6				
6.	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methods</i>	2	20	10	0	
7.	PEC 8001	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị <i>Economic Analysis of Political Institutions</i>	2	20	10	0	
8.	PEC 8002	Kinh tế chính trị hiện đại <i>Modern Political Economy</i>	2	20	10	0	
I.2	Tự chọn		6/9				
9.	PEC 8011	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	3	30	15	0	
10.	INE 8014	Kinh tế thế giới hiện đại <i>Modern world Economy</i>	3	30	15	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
11.	PEC 8012	Hoạch định phát triển <i>Development planning</i>	3	30	15	0	
II. Chuyên đề NCS			6				
12.	PEC 8003	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional topic 1</i>	2	0	0	30	
13.	PEC 8004	Chuyên đề tự chọn 2 <i>Optional topic 2</i>	2	0	0	30	
14.	PEC 8005	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional topic 3</i>	2	0	0	30	
III. Tiểu luận tổng quan			2				
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Khoa; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phân biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. 							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. 							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
15.	PEC 9001	Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			99				

2.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần NCS			12				
I.1 Bắt buộc			6				
1.	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methods</i>	2	20	10	0	
2.	PEC 8001	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị <i>Economic Analysis of Political Institutions</i>	2	20	10	0	
3.	PEC 8002	Kinh tế chính trị hiện đại <i>Modern Political Economy</i>	2	20	10	0	
I.2 Tự chọn			6/9				
4.	PEC 8011	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	3	30	15	0	
5.	INE 8014	Kinh tế thế giới hiện đại <i>Modern world Economy</i>	3	30	15	0	
6.	PEC 8012	Hoạch định phát triển <i>Development planning</i>	3	30	15	0	
II. Chuyên đề NCS			6				
7.	PEC 8003	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional topic 1</i>	2	0	0	30	
8.	PEC 8004	Chuyên đề tự chọn 2 <i>Optional topic 2</i>	2	0	0	30	
9.	PEC 8005	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional topic 3</i>	2	0	0	30	
III. Tiểu luận tổng quan			2				
PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Khoa; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. 							
PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; 							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
- Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.							
PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
10.	PEC 9001	Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			90				

Lưu ý:

- Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể yêu cầu NCS học bổ sung những học phần cần thiết trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án dựa trên đề nghị của tiểu ban chuyên môn và cán bộ hướng dẫn.

- Cán bộ hướng dẫn có thể đề nghị Hiệu trưởng quyết định thay thế một số học phần trong chương trình đào tạo bằng các học phần khác, hoặc bổ sung thêm một số học phần ngoài CTĐT cần thiết cho luận án của NCS.